

THƯ MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 244 THÁNG 10 NĂM 2017

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 244 tháng 10 năm 2017.

1. Nợ công ở Việt Nam có thực sự đang ở mức an toàn?/ Nguyễn Thị Lan// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 2 – 12

Tóm tắt: Bài nghiên cứu này dựa trên mô hình Cây nhị phân của Manasse và Roubini (2005) và khung nợ bền vững (DSF) của Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) (2012) để đánh giá tính an toàn, bền vững của nợ công Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tính an toàn của nợ công Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy: trong ngắn hạn, Việt Nam khó xảy ra khủng hoảng nợ công do các chỉ số phân tích đều thỏa mãn điều kiện an toàn nợ công của mô hình Cây nhị phân. Tuy nhiên, đánh giá các mức nợ công này theo DSF của IMF và WB (2012) thì nợ công Việt Nam hiện nay có độ rủi ro cao, thiếu bền vững khi có đến 2 chỉ số vượt ngưỡng cảnh báo của DSF (2012).

Từ khóa: Nợ công; Cây nhị phân; Khung nợ bền vững

2. Đo lường tăng trưởng bao trùm: tiếp cận từ góc độ doanh nghiệp ở Việt Nam/ Phạm Thế Anh, Nguyễn Đức Hùng// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 13 – 24

Tóm tắt: Bài viết này nhằm đo lường tăng trưởng bao trùm thông qua đường cong tập trung và hàm cơ hội xã hội sử dụng dữ liệu điều tra doanh nghiệp ở Việt Nam trong những năm gần đây. Kết quả tính toán chỉ ra rằng, tăng trưởng trong khu vực doanh nghiệp chưa thực sự có tính bao trùm. Đóng góp và hưởng thụ thành quả từ tăng trưởng chủ yếu thuộc về một số ít các doanh nghiệp lớn. Bên cạnh đó, cơ hội kinh tế trung bình có thể gia tăng nhưng tình trạng bất bình đẳng trong phân bố cơ hội giữa doanh nghiệp lớn lại không được cải thiện. ở góc độ chính sách, các kết quả này hàm ý Việt Nam cần có những chính sách phát triển hướng tới các nhóm doanh nghiệp nhỏ và yếu thế.

Từ khóa: Tăng trưởng bao trùm; Đường cong tập trung; Hàm cơ hội; Bất bình đẳng

3. Một số giải pháp phát triển thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam/ Nguyễn Thu Thủy// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 25 – 33

Tóm tắt: Bài viết đã đánh giá kết quả đạt được của thị trường chứng khoán phái sinh sau hơn 1 tháng đi vào hoạt động trên các khía cạnh: Quy mô giao dịch, tính thanh khoản của

thị trường, số lượng nhà đầu tư tham gia... Đồng thời cũng chỉ ra hàng loạt các khó khăn cần phải tháo gỡ. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển thị trường chứng khoán phái sinh Việt Nam.

Từ khóa: Chứng khoán phái sinh; Thị trường chứng khoán; Thị trường chứng khoán phái sinh

4. Vốn nhân lực tại các đô thị Việt Nam/ Nguyễn Ngọc Hiên, Phạm Thị Bích Ngọc// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 34 – 42

Tóm tắt: Có thể nói rằng, vốn con người là một yếu tố quan trọng quyết định năng suất lao động. Nhiều nhà nghiên cứu đồng ý rằng để đạt được tăng trưởng kinh tế bền vững, các nước cần tập trung vào việc tăng cường vốn nhân lực. Tuy nhiên, hiện nay, số lượng nghiên cứu thực nghiệm trong việc đo lường vốn nhân lực của các nước đang phát triển như Việt Nam còn rất hạn chế. Chính vì vậy, bài viết này ra đời nhằm mục đích giới thiệu và phát triển một phương pháp mới nhằm đo lường vốn con người, thông qua một số yếu tố chính gồm kỹ năng nhận thức, kỹ năng chuyên môn và số năm đi học. Sử dụng dữ liệu từ World Bank, bài viết áp dụng phương pháp mới này trong việc ước lượng vốn nhân lực ở các đô thị Việt Nam. Từ đó, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường vốn nhân lực tại các đô thị Việt Nam.

Từ khóa: Vốn nhân lực; Kỹ năng nhận thức; Kỹ năng chuyên môn

5. Phân bố đất nông nghiệp hộ gia đình Việt Nam/ Nguyễn Quang Hà// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 43 – 51

Tóm tắt: Nghiên cứu này sử dụng bộ số liệu hỗn hợp với mẫu gồm 6.548 hộ gia đình nông thôn giai đoạn 2004-2014 để phân tích xu hướng biến động phân bố đất nông nghiệp. Các phát hiện cơ bản từ nghiên cứu là: sau 10 năm, đất nông nghiệp do hộ gia đình quản lý sử dụng trở nên đồng đều hơn, thay vì phân hóa, tích tụ như các suy đoán truyền thống. Thay đổi quy mô diện tích sử dụng của các hộ gia đình chủ yếu là từ các nguyên nhân phi thị trường như giao đất, thừa kế; các nguyên nhân thị trường như mua bán, đấu thầu chỉ chiếm 1/3 số giao dịch về đất đai. Theo quan điểm của tác giả, do tác động của các yếu tố cản trở tích tụ đất đai vẫn tiếp tục chiếm ưu thế, nên phân bổ đồng đều đất nông nghiệp hộ gia đình vẫn sẽ là xu hướng tương lai. Do đó, chính sách phát triển nông nghiệp nên được tiếp tục định hướng dựa trên nền tảng của quy mô sử dụng đất nhỏ, phân tán của hộ gia đình.

Từ khóa: Đất đai hộ gia đình; Phân bố đất đai; Bất bình đẳng về đất đai

6. Rào cản phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long và giải pháp khắc phục/ Lê Du Phong// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 52 – 57

Tóm tắt: Trên cơ sở khái quát về vùng Đồng bằng sông Cửu Long, phân tích biến đổi khí hậu toàn cầu và tác động của nó đến môi trường tự nhiên của Vùng, ý nghĩa của sông Mê Kông và tác động của con người đối với sông Mê Kông dẫn đến việc thay đổi môi trường tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tác giả bài viết cho rằng, rào cản chính tác động đến sự thay đổi môi trường tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là do nguồn nước sông Mê Kông đã bị chặn phần lớn ở trên đầu nguồn. Tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu cũng có, nhưng là về dài hạn còn hiện tại là chưa lớn. Từ đó tác giả đề xuất 7 giải pháp khắc phục rào cản nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững Vùng. Các giải pháp này bao gồm từ sự thay đổi nhận thức và tư duy phát triển, đến xây dựng chiến lược phát triển, huy động lực lượng nghiên cứu, coi trọng sự tham gia của khoa học và công nghệ, xây dựng hệ thống đê biển, các công trình dưới đê và các cống lớn ở các cửa sông của Vùng, đồng thời Chính phủ phải cùng với các nước có liên quan trao đổi, bàn bạc và đi đến những thỏa thuận có tính nguyên tắc về các hoạt động có liên quan đến dòng chảy của sông Mê Kông.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu; Tác động của con người; Môi trường; Đồng bằng sông Cửu Long

7. Tác động của các yếu tố đầu vào đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên/ Hoàng Thị Thu, Trần Quang Huy// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 58 – 65

Tóm tắt: Nghiên cứu này đánh giá tác động của vốn, lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp lên tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên thông qua phương pháp hạch toán tăng trưởng. Kết quả chỉ ra rằng, yếu tố có đóng góp lớn nhất trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2006-2016 là vốn đầu tư với 68,45%. Lao động có việc làm của tỉnh Thái Nguyên cũng đã có đóng góp tương đối ổn định vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Mặc dù có mức độ tăng trưởng không ổn định, yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp TFP cũng đã duy trì đóng góp của mình trong tăng trưởng GDP với mức trung bình chung của cả giai đoạn 2006-2016 là 18,82%. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho tăng trưởng kinh tế còn thấp và cần phải cải thiện trong tương lai.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế; Năng suất các nhân tố tổng hợp; Vốn; Lao động

8. Ảnh hưởng của phong cách sống đến lựa chọn các tiêu chí căn hộ chung cư tại khu vực đô thị - Nghiên cứu tại thành phố Hà Nội/ Hoàng Văn Cường, Nguyễn Thị Tùng Phương// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 66 – 75

Tóm tắt: Lựa chọn nơi ở là vấn đề quan trọng trong cuộc đời mỗi con người. Hiểu được hành vi lựa chọn và tiêu chí lựa chọn căn hộ chung cư tại đô thị là một trong những vấn đề quan tâm của các nhà đầu tư phát triển bất động sản nhà ở, cơ quan quản lý không

gian nhà ở đô thị và chính những người tiêu dùng bất động sản. Trong nghiên cứu này, dưới góc nhìn lý thuyết về phong cách sống theo hướng tâm lý học, tác giả kiểm định các mối quan hệ giữa phong cách sống và các tiêu chí lựa chọn căn hộ chung cư của những người đang sống ở chung cư và sở hữu chung cư. Kết quả nghiên cứu ủng hộ các giả thuyết về mối quan hệ giữa phong cách sống và các tiêu chí lựa chọn căn hộ.

Từ khóa: Lý thuyết phong cách sống; Phong cách sống; Căn hộ chung cư; Chung cư; Tiêu chí lựa chọn căn hộ chung cư

9. Lòng trung thành của khách hàng đối với dịch vụ e-banking: Một mô hình tích hợp/ Nguyễn Thị Liễu, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Hữu Trí// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 76 – 84

Tóm tắt: Giá trị cảm nhận và sự tin tưởng là hai yếu tố then chốt để giải thích cho việc ra quyết định tiêu dùng của khách hàng. Nghiên cứu này đề xuất mô hình đánh giá vai trò của hai yếu tố trên dưới góc nhìn xã hội, tính thực dụng kinh tế và tính an toàn công nghệ trong dịch vụ e-banking của khách hàng cá nhân. Mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được thực hiện trên mẫu gồm 228 khách hàng đã qua thời gian dài sử dụng dịch vụ cho thấy giá trị cảm nhận và sự tin tưởng cùng nhau góp phần xây dựng lòng trung thành của khách hàng. Ba nhóm nhân tố về trao đổi xã hội, phí tổn cảm nhận và rủi ro cảm nhận đều là các tiền tố có ý nghĩa để góp phần giải thích cho giá trị cảm nhận và sự tin tưởng của khách hàng.

Từ khóa: E-banking; Giá trị cảm nhận; Trao đổi xã hội; Sự tin tưởng; Rủi ro cảm nhận; Phí tổn cảm nhận

10. Ứng dụng mô hình Probit kiểm định bài toán đầu tư ứng dụng quyền chọn thực ở Thái Lan/ Nguyễn Đình Thọ// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 85 – 91

Tóm tắt: Bài toán đầu tư ứng dụng “quyền chọn thực” chỉ ra rằng đầu tư tư nhân có tương quan tỷ lệ nghịch với điều kiện bất định và mối quan hệ tỷ lệ nghịch càng lớn hơn nếu nhà đầu tư không thể đảo ngược các quyết định đầu tư đã được thực hiện. Bài viết này ứng dụng mô hình hồi quy probit để kiểm định mối quan hệ giữa đầu tư tư nhân và rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán Thái Lan thời kỳ trước khủng hoảng nợ dưới chuẩn. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhà đầu tư có khuynh hướng chờ cho tới khi lợi suất kỳ vọng đủ lớn trước khi quyết định đầu tư để tránh tổn thất trước biến động bất lợi của thị trường, đặc biệt trong trường hợp quyết định đầu tư không thể đảo ngược.

Từ khóa: Đầu tư; Đầu tư không thể đảo ngược; Dữ liệu bảng; Thái Lan; Bất định

11. Vai trò của học vấn với năng suất lao động bình quân trên một giờ lao động: Nghiên cứu được thực hiện từ các quốc gia ASEAN/ Trần Văn Quyết// Tạp chí Kinh tế và Phát triển .- Số 244 tháng 10/2017 .- Tr. 92 – 100

Tóm tắt: Bài viết này đánh giá và phân tích tầm quan trọng của trình độ học vấn trong việc nâng cao năng suất lao động dựa trên dữ liệu bảng từ năm 1970 đến 2015 ở 6 quốc gia ASEAN. Nghiên cứu cho thấy tăng trưởng năng suất lao động có xu hướng chậm lại của các nền kinh tế có thu nhập thấp và trung bình trong khu vực ASEAN là trở ngại lớn nhất cho những quốc gia này để đạt được mức phát triển kinh tế cao hơn trong dài hạn, đặc biệt ở các quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp. Kết quả phân tích chỉ ra rằng trình độ học vấn không chỉ có ý nghĩa lớn trong tăng năng suất lao động mà còn có tác động to lớn trong việc kích thích tác động của thương mại đến năng suất lao động. Tuy nhiên, ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến năng suất lao động phụ thuộc lớn vào trình độ học vấn. Các quốc gia có trình độ học vấn cao sẽ kích thích tác động của FDI đến tăng năng suất lao động, các quốc gia có trình độ học vấn thấp sẽ làm giảm tác động của FDI đến tăng năng suất lao động.

Từ khóa: Năng suất lao động; Nguồn nhân lực; Trình độ học vấn; Hiệu quả kinh tế

Trung tâm Thông tin Thư viện